

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: 63/2023/DS-ST

Ngày: 09/6/2023

V/v: “Tranh chấp nợ hui”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE- TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Huỳnh Thị Thanh Như

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Đăng Khoa

Bà Nguyễn Thị Bé Em

- Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Hoa Hạ - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia: Ông Phan Minh Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 99/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2023 về việc “Tranh chấp nợ hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2023/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Diếp Mỹ L**, sinh ngày 1989;

Thường trú: số A khu phố B, phường S, thành phố B, tỉnh Bến Tre; Cư trú: số B đường Đ, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Huỳnh Diễm M**, sinh năm 1987;

Cư trú: số A ấp N, xã N, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Trần Chí H**, sinh năm 1986; Cư trú: số A ấp N, xã N, thành phố B, tỉnh Bến Tre;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Huỳnh Diễm M và ông Trần Chí H: Ông **Nguyễn Nhật N**, sinh năm 1992; Cư trú: số C khu phố S, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre; Theo văn bản ủy quyền cùng ngày 07/4/2023.

(Bà L và ông N có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/3/2023, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 19/5/2023 cùng các tài liệu, chứng cứ cung cấp có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Diếp Mỹ L trình bày:

Vào năm 2021 và năm 2022, bà L có tham gia tổng cộng 15 dây hụi do bà Nguyễn Huỳnh Diễm M làm chủ hụi, mỗi dây hụi có số tiền khác nhau từ 3 triệu đồng đến 10 triệu đồng, trong đó có 03 dây hụi tháng, 01 dây hụi nửa tháng và 11 dây hụi ngày. Tất cả đều là hụi sống, bà L chưa hốt hụi, cụ thể như sau:

* Hụi tháng:

- Hụi tháng 10 triệu đồng, khai ngày 15/4/2022, tổng 13 phần, bà tham gia 01 phần, tổng số tiền hụi bà đã đóng là 40 triệu đồng.

- Hụi tháng 10 triệu đồng, khai ngày 30/8/2021, tổng 16 phần, bà tham gia 01 phần, tổng số tiền hụi bà đã đóng là 110 triệu đồng.

- Hụi tháng 5 triệu đồng, khai ngày 02/9/2021, tổng 16 phần, bà tham gia 01 phần, tổng số tiền hụi bà đã đóng là 55 triệu đồng.

- Hụi nửa tháng 10 triệu đồng, khai ngày 10 và ngày 25/01/2022, tổng 19 phần, bà tham gia 01 phần, tổng số tiền hụi bà đã đóng là 130 triệu đồng.

* Hụi ngày:

- Hụi ngày 10 triệu đồng, khai ngày 17/7/2022, tổng 15 phần, bà tham gia 01 phần, tổng số tiền hụi bà đã đóng là 120 triệu đồng.

- Hụi ngày 10 triệu đồng, khai ngày 22/7/2022, tổng 15 phần, bà tham gia 01 phần, tổng số tiền hụi bà đã đóng là 70 triệu đồng.

- Hụi ngày 10 triệu đồng, khai ngày 25/7/2022, tổng 16 phần, bà tham gia 01 phần, tổng số tiền hụi bà đã đóng là 40 triệu đồng.

- Hụi ngày 5 triệu đồng, khai ngày 20/7/2022, tổng 22 phần, bà tham gia 01 phần, tổng số tiền hụi bà đã đóng là 45 triệu đồng.

- Hụi ngày 5 triệu đồng, khai ngày 14/7/2022, tổng 22 phần, bà tham gia 01 phần, tổng số tiền hụi bà đã đóng là 75 triệu đồng.

- Hụi ngày 5 triệu đồng, khai ngày 27/7/2022, tổng 22 phần, bà tham gia 01 phần, tổng số tiền hụi bà đã đóng là 10 triệu đồng.

- Hụi ngày 5 triệu đồng, khai ngày 11/7/2022, tổng 23 phần, bà tham gia 01 phần, tổng số tiền hụi bà đã đóng là 90 triệu đồng.

- Hụi ngày 3 triệu đồng, khai ngày 15/7/2022, tổng 25 phần, bà tham gia 01 phần, tổng số tiền hụi bà đã đóng là 42 triệu đồng.

- Hụi ngày 3 triệu đồng, khai ngày 22/7/2022, tổng 21 phần, bà tham gia 01 phần, tổng số tiền hụi bà đã đóng là 21 triệu đồng.

- Hụi ngày 3 triệu đồng, khai ngày 06/7/2022, tổng 30 phần, bà tham gia 01 phần, tổng số tiền hụi bà đã đóng là 78 triệu đồng.

- Hụi ngày 3 triệu đồng, khai ngày 10/7/2022, tổng 30 phần, bà tham gia 01 phần, tổng số tiền hụi bà đã đóng là 57 triệu đồng.

Đến ngày 29/7/2022, bà và bà M ngồi lại với nhau đối chiếu tiền hụi, sau đó bà M viết biên nhận còn nợ hụi với bà với số tiền 1.256.140.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, giữa bà và bà M đối chiếu tiền hụi lại lần hai, các bên thống nhất số tiền hụi bà M còn nợ lại bà là 1.094.090.000 đồng, đây là số tiền hụi thực tế bà đã đóng cho bà M không bao gồm tiền lãi. Đến nay, đã quá hạn 03 tháng theo "Giấy mượn nợ" nhưng bà M không thực hiện việc trả tiền hụi. Đồng thời, quá trình tham gia chơi hụi thì ông H có phụ bà M đi thu tiền hụi và ông H có biết bà chơi hụi của bà M. Do đó, nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết: buộc bà Nguyễn Huỳnh Diễm M và ông Trần Chí H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền hụi gốc 1.094.090.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 30/10/2022 đến ngày xét xử. Tiền gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 29/5/2023 là 1.153.111.300 đồng.

Theo bản tự khai cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ông Ông Nguyễn Nhật N là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Huỳnh Diễm M trình bày:

Bà M thống nhất với lời trình bày của bà Diệp Mỹ L về việc bà L có tham gia chơi hụi như bà L trình bày nêu trên là đúng. Tính đến ngày 29/7/2022, bà M thừa nhận còn nợ bà L số tiền hụi gốc là 1.094.090.000 đồng. Nay, bà M đồng ý trả cho bà L số tiền hụi 1.094.090.000 đồng, bà M không đồng ý trả tiền lãi. Việc bà M mở dây hụi hoàn toàn không liên quan đến việc kinh doanh của của ông Trần Chí H là chồng của bà M. Do đó, bà M không đồng ý việc bà L yêu cầu ông H có nghĩa vụ liên đới trả tiền hụi cho bà L.

Theo bản tự khai cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ông Ông Nguyễn Nhật N là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Chí H trình bày:

Ông Trần Chí H và bà Nguyễn Huỳnh Diễm M là vợ chồng. Việc bà M mở dây hụi hoàn toàn không liên quan đến việc kinh doanh của ông H. Do đó, ông H không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà L.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bà Diệp Mỹ L trình bày: bà khẳng định ông H có biết việc chơi hụi của bà M vì việc chơi hụi giữa đôi bên diễn ra trong một thời gian dài, ông H là người nói cho chồng bà là ông Đỗ Kim Qui biết bà M mở dây hụi sau đó chồng bà mới về nói cho bà biết. Bà M sử dụng số tiền hụi để phát triển kinh tế chung gia đình. Do đó, nay bà L yêu cầu bà M và ông H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền hụi gốc là 1.094.090.000 đồng và tiền lãi của số tiền nêu trên với mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 30/10/2022 đến nay là 07 tháng. Bà không còn yêu cầu nào khác.

Ông Ông Nguyễn Nhật N trình bày: bà M và ông H có đăng ký kết hôn, sau khi kết hôn thì bà M và ông H sinh sống tại nhà chồng, địa chỉ số A ấp N, xã N, thành phố B, tỉnh Bến Tre, bà M và ông H có con chung. Bà M mở dây hụi, số tiền

lời từ việc mở dây hụi bà M sử dụng để kinh doanh mỹ phẩm, còn ông H có kinh doanh xe du lịch riêng. Thỉnh thoảng, bà M có nhờ ông H đi lấy tiền dùm, ông H chỉ nghĩ đây là tiền bà M kinh doanh mỹ phẩm chứ không phải tiền hụi. Hiện nay bà M và ông H đã ly hôn chưa thì ông không rõ. Bà M đồng ý trả cho bà L số tiền hụi 1.094.090.000 đồng, không đồng ý trả tiền lãi vì đang gặp khó khăn. Riêng ông H không có liên quan đến việc chơi hụi giữa đôi bên nên không đồng ý liên đới trả tiền hụi cho bà L.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội Thẩm nhân dân và Thư ký Tòa án tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: căn cứ Điều 463, 466, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hụi, biếu, phường và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Diệp Mỹ L, cụ thể:

- Buộc bà M và ông H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà L số tiền nợ hụi là 1.094.090.000 đồng và tiền lãi của số tiền hụi với mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 30/10/2022 đến nay.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà L với số tiền 162.050.000 đồng. Bà M và ông H có nghĩa vụ chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, kết quả tranh luận tại phiên toà và phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ đơn khởi kiện ngày 20/3/2023 (BL05, 06), đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 19/5/2023 (BL85) cùng các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện bà Diệp Mỹ L có tham gia chơi hụi do bà Nguyễn Huỳnh Diễm M làm chủ hụi, bà L cho rằng bà M không thanh toán tiền hụi nên bà làm đơn khởi kiện. Việc giao dịch hụi giữa các bên xảy ra vào năm 2021 và năm 2022, do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015 xác định đây là vụ án “Tranh chấp nợ hụi”.

[1.2] Căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ khoản 3 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án không có đương sự hoặc tài

sản ở nước ngoài, vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân cấp huyện. Bị đơn bà Nguyễn Huỳnh Diễm M có nơi cư trú tại xã N, thành phố B, tỉnh Bến Tre, đối chiếu điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

[1.3] Tại phiên tòa, bà L khẳng định chỉ yêu cầu khởi kiện số tiền hui 1.094.090.000 đồng, thấp hơn số tiền hui 1.256.140.000 đồng theo đơn khởi kiện ban đầu là 162.050.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà L là hoàn toàn tự nguyện, đối chiếu Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà L đối với số tiền hui 162.050.000 đồng.

[2] Xét yêu cầu của bà L buộc bà M trả số tiền hui 1.094.090.000 đồng, thấy rằng: quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà L và đại diện theo ủy quyền của bà M đều trình bày thống nhất bà L có tham gia 15 dây hui do bà M làm chủ hui, hui có mệnh giá từ 3 triệu đồng đến 10 triệu đồng và các bên thống nhất số tiền mà bà M còn nợ lại bà L là 1.094.090.000 đồng. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh. Theo "Giấy mượn nợ ngày 29/7/2022" có nội dung bà M cam kết sẽ trả tiền cho bà L trong vòng 03 tháng kể từ ngày 29/7/2022 (tức ngày hết hạn trả tiền là ngày 29/10/2022). Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bà M thừa nhận đến nay bà M chưa trả tiền hui cho bà L. Từ các phân tích trên, căn cứ Điều 18 Nghị định 19/2019NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ, Hội đồng xét xử xét thấy bà L buộc bà M có nghĩa vụ trả số tiền hui 1.094.090.000 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu của bà L buộc bà M trả tiền lãi của số tiền hui 1.094.090.000 đồng, thấy rằng: khoản 1 Điều 22 Nghị định 19/2019NĐ-CP ngày 19/02/2019 quy định: "*Trường hợp đến kỳ mở họ mà chủ họ không giao hoặc giao không đầy đủ các phần họ cho thành viên được lĩnh họ, thành viên chưa lĩnh họ không góp phần họ hoặc góp phần họ không đầy đủ thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm góp hoặc chậm giao phần họ được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 21 của Nghị định này của số tiền chậm trả trên thời gian chậm trả, nếu không có thỏa thuận thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 21 của Nghị định này của số tiền chậm trả trên thời gian chậm trả*". Đối chiếu khoản 1 Điều 21 Nghị định 19/2019NĐ-CP ngày 19/02/2019, bà L yêu cầu tính lãi của số tiền hui 1.094.090.000 đồng với mức lãi suất 0,83%/tháng (tức 10%/năm) tính từ ngày 30/10/2022 đến nay là có căn cứ nên được chấp nhận. Tiền lãi được tính như sau: 1.094.090.000 đồng x 0,83%/tháng x 7 tháng = 63.566.000 đồng (làm tròn số).

Như vậy, tổng số tiền hụi gốc và lãi bà M có nghĩa vụ trả cho bà L là 1.094.090.000 đồng + 63.566.000 đồng = 1.157.656.000 đồng.

[4] Xét yêu cầu của bà L buộc ông H có nghĩa vụ liên đới cùng bà M trả số tiền hụi còn thiếu, thấy rằng: căn cứ theo hồ sơ vụ án thể hiện bà M và ông H đăng ký kết hôn ngày 24/12/2007 tại Ủy ban nhân dân xã N, thành phố B. Bà L tham gia chơi hụi với bà M vào năm 2021 và năm 2022; Ngày 22/5/2023, Tòa án ban hành thông báo giao nộp chứng cứ với nội dung yêu cầu đại diện theo ủy quyền của bà M và ông H cung cấp thông tin "*Hiện nay, bà M và ông H đã ly hôn hay vẫn còn là chồng. Trường hợp đã ly hôn, cung cấp quyết định ly hôn nếu có*". Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bà M và ông H thừa nhận bà M và ông H có đăng ký kết hôn, còn sự việc bà M và ông H đã ly hôn chưa thì ông không rõ. Căn cứ Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự thì đương sự phải chịu trách nhiệm về việc không cung cấp chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Từ phân tích trên, có cơ sở xác định số tiền nợ hụi giữa bà L với bà M phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của bà M và ông H. Ngoài ra, bà L tham gia tổng cộng 15 dây hụi bao gồm hụi ngày, hụi nửa tháng và hụi tháng, việc chơi hụi giữa đôi bên diễn ra trong năm 2021 và năm 2022, như vậy việc chơi hụi giữa bà L, bà M diễn ra trong một thời gian dài. Đồng thời, bà L trình bày sở dĩ bà biết bà M mở dây hụi là do chồng bà là ông Đỗ Kim Q có lái xe du lịch cho ông H, ông H nói với chồng bà là bà M có mở dây hụi nên chồng bà về nói cho bà biết. Từ phân tích trên, có cơ sở xác định ông H có biết việc chơi hụi giữa bà M và bà L. Bên cạnh đó, tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bà M trình bày số tiền lợi nhuận có được từ việc chơi hụi thì bà M sử dụng kinh doanh mỹ phẩm, mục đích kinh doanh mỹ phẩm nhằm phát triển kinh tế chung gia đình, quá trình chung sống với bà M thì ông H có đi gom tiền cho bà M nhưng nghĩ đây là tiền bán mỹ phẩm của bà M. Hội đồng xét xử xét thấy: bà M là người có đủ năng lực hành vi dân sự, bà M đã sử dụng số tiền chơi hụi để kinh doanh mỹ phẩm, xây dựng phát triển kinh tế chung gia đình nhằm tạo nguồn thu nhập đáp ứng nhu cầu của gia đình. Theo Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định về "*Trách nhiệm liên đới của vợ chồng đối với giao dịch do một bên thực hiện*", cũng như Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định về "*Nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng*" do một bên vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình thì vợ chồng phải có nghĩa vụ chung. Từ các phân tích trên và đối chiếu quy định pháp luật, xét thấy bà L buộc ông H phải có nghĩa vụ liên đới với bà M trả cho bà L số tiền hụi 1.157.656.000 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, do yêu cầu

khởi kiện của bà L được chấp nhận nên bà M và ông H có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền là 46.729.500 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 280, Điều 466 và Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Nghị định 19/2019NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ;
- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 244 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Diếp Mỹ L đối với bị đơn bà Nguyễn Huỳnh Diễm M về việc "Tranh chấp nợ hui", cụ thể như sau:

1.1. Buộc bà Nguyễn Huỳnh Diễm M và ông Trần Chí H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Diếp Mỹ L số tiền 1.157.656.000đ (một tỷ, một trăm năm mươi bảy triệu, sáu trăm năm mươi sáu nghìn đồng), trong đó: tiền gốc 1.094.090.000đ (một tỷ, không trăm chín mươi bốn triệu, không trăm chín mươi nghìn) đồng, tiền lãi 63.566.000đ (sáu mươi ba triệu, năm trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

Kể từ khi Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

1.2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Diếp Mỹ L về việc buộc bà Nguyễn Huỳnh Diễm M và ông Trần Chí H có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 162.050.000đ (một trăm sáu mươi hai triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Huỳnh Diễm M và ông Trần Chí H có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền là 46.729.500đ (bốn mươi sáu triệu, bảy trăm hai mươi chín nghìn, năm trăm đồng).

Bà Diếp Mỹ L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 24.842.000đ (hai mươi bốn triệu, tám trăm bốn mươi hai nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số XYZ ngày 24/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bến Tre.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Diếp Mỹ L, bà Nguyễn Huỳnh Diễm M, ông Trần Chí H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- CCTHADS thành phố Bến Tre (1b);
- Các đương sự (3b);
- Lưu hồ sơ, VP (4b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký, đóng dấu)

Huỳnh Thị Thanh Như